

MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÀU AN PHÚ

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11-12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13-31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. Thông tin chung về Công ty:

Thành lập: Công ty Cổ phần Đóng tàu An Phú được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu An Phú theo giấy đăng ký doanh nghiệp số 0301079268 do phòng đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12 tháng 03 năm 2015.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Đóng mới phương tiện vận tải thủy.
- Sửa chữa phương tiện vận tải thủy (không hoạt động tại trụ sở).
- Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đóng tàu.
- Sản xuất các sản phẩm công nghiệp khác, bao gồm: Gia công cắt, bẻ, uốn tole; gia công cơ khí thiết bị động lực; gia công sản phẩm kết cấu thép (không hoạt động tại trụ sở).
- Sửa chữa giàn khoan và công trình trên biển (không hoạt động tại trụ sở). Sửa chữa phao tiêu, biển báo đảm bảo an toàn hàng hải (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Thu gom, vận chuyển cặn dầu thô, chất thải nhiễm dầu từ vệ sinh tàu dầu và giàn khoan (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến. Bán buôn xi măng. Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. Bán buôn đồ ngũ kim. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Xây lắp công nghiệp nhà kho, nhà xưởng.
- Bán buôn vật tư, phụ tùng, phụ kiện, máy móc, thiết bị phương tiện tải thủy, thiết bị công nghiệp tàu thủy. Bán buôn phụ tùng máy công nghiệp.
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; dịch vụ vệ sinh tàu biển.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu; cho thuê máy móc, thiết bị công nghiệp.
- Dịch vụ cung ứng tàu biển.
- Sản xuất, chế tạo: sản phẩm composite, nhựa tổng hợp; vỏ tàu, dụng cụ cứu sinh, cứu hỏa, dụng cụ vệ sinh bằng composite - nhựa tổng hợp; bồn đựng nước, bồn chứa hóa chất bằng composite - nhựa tổng hợp (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất, chế tạo ca nô (không hoạt động tại trụ sở).
- Hoạt động vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; Hoạt động của tàu, salan, lash (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.
- Bán buôn sắt, thép.
- Tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán).
- Thiết kế phương tiện thủy nội địa.
- Chế tạo kết cấu thép, nhà xưởng (không hoạt động tại trụ sở)

Trụ sở chính: 18 Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, Tp.HCM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị:

Ông Lê Quang Định	Chủ tịch HĐQT
Ông Huỳnh Minh Vân	Thành viên
Bà Trương Đức Hạnh	Thành viên
Ông Mai Văn Trí	Thành viên
Ông Lê Vi Luân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Huỳnh Minh Vân	Tổng Giám đốc - Đại diện pháp luật của công ty	
Ông Nguyễn Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Hiền	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 05/09/2015
Ông Tạ Quang Khải	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28/01/2016

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

30/12/2015
CỔ Đ
HÀ
TỔ
HỌ
HỒ
TÊN

0792
NG T
PH
IG T
PH
HỒ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Huỳnh Minh Vân

Tổng Giám đốc



Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 03.16.61 /AISC-DN 1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓNG TÀU AN PHÚ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đóng tàu An Phú, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tổng Công ty cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn- TNHH Một thành viên (SAMCO), các cổ đông mới và các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa thống nhất các số liệu về giá trị tài sản để chuyển đổi và bàn giao cho Công ty cổ phần Đóng tàu An Phú. Vì vậy, số liệu trên báo cáo tài chính cho năm hiện hành vẫn đang thể hiện theo số liệu trước khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Do đó, giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú ("Công ty") vẫn chưa được xác định.

Liên quan đến khoản vốn góp của chủ sở hữu thể hiện ở thuyết minh tại mục V.17 do Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú đã chuyển thành Công ty Cổ phần từ ngày 12/03/2015 và các cổ đông bên ngoài đã góp đủ vốn theo kết quả chào bán cổ phần cho nhà đầu tư, do đó Công ty đã ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu theo số vốn được định giá khi bán cổ phần là 60.000.000.000 VND, phần giá trị vốn góp thiếu của Nhà nước đang được ghi nhận ở khoản phải thu khác về cổ phần hóa doanh nghiệp. Các số liệu này sẽ thay đổi khi có biên bản bàn giao và số liệu chính thức được các cổ đông và cơ quan có thẩm quyền thông qua.

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Tel : (04) 3782 0045/46 /47 Fax : (04) 3782 0048 Email: aishn@hn.vnn.vn

Branch in Đà Nẵng : 36 Hà Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng

Tel : (0511) 371 5619 Fax : (0511) 371 5620 Email: asckt@dn.vnn.vn

Representative in Cần Thơ : 48B/243/1A, 30/4 St., Ninh Kiều Dist, Cần Thơ City

Tel : (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765

Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng

Tel : (031) 3569 577 Fax : (031) 3569 576

2. Số dư đầu kỳ là số liệu theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 11/03/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Kiểm toán viên đã có ý kiến ngoại trừ các vấn đề sau:

Công ty chưa trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi theo quy định, dẫn đến khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" (Mã số 137) trên Bảng cân đối kế toán không phản ánh giá trị dự phòng là 1.619.469.616 VND. Nếu phản ánh đúng theo giá trị dự phòng phải lập thì khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" và lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán sẽ tăng thêm 1.619.469.616 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng là 1.619.469.616 VND, chỉ tiêu "Lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ lỗ thêm là 1.619.469.616 VND.

Như đã nêu tại mục V.4 trên thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty chưa ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các năm trước các khoản chi phí gồm:

- Chi tiền lương của các năm trước cao hơn quỹ tiền lương được Công ty Mẹ duyệt	16.095.470.931
- Chi khen thưởng phúc lợi đang được thể hiện bằng số âm trên Bảng CĐKT ở mã 322- Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.699.462.247
	19.794.933.178

Theo biên bản họp tổ xử lý công nợ của Công ty vào ngày 17 tháng 12 năm 2014 thì trước đây Công ty đã ghi nhận khoản doanh thu và phải thu khách hàng là Công ty CP Đóng tàu và dịch vụ Dầu khí với số tiền là 1.064.561.329 VND, nhưng thực tế số dư này vẫn chưa được khách hàng xác nhận. Thêm vào đó, cho đến ngày lập báo cáo này giữa Công ty và khách hàng vẫn chưa có biên bản làm việc chính thức để làm rõ vấn đề này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, các vấn đề đã được nêu ở mục 2 của đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ" vẫn chưa được xử lý.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đóng tàu An Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại mục VI.8 trên thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty hạch toán xử lý vật tư thiếu có giá trị 1.488.176.642 VND và chi phí cháy tàu Mỹ Giang 03 với số tiền 478.497.590 VND vào khoản mục chi phí khác trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 11/03/2015 theo biên bản họp tổ xử lý công nợ ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Công ty CP Đóng tàu An Phú. Tuy nhiên, việc xử lý này chưa có sự thông qua của Công ty mẹ cũng như các cơ quan Nhà nước quản lý Công ty.

Tp.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016

KIỂM TOÁN VIÊN



Đặng Nguyễn Lý Hằng

Số Giấy CN ĐKHNKT: 1169-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Hồng Uyên

Số Giấy CN ĐKHNKT: 0794-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	12/03/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		63.097.595.477	43.906.959.870
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	103.349.859	3.350.849.425
1. Tiền	111		103.349.859	3.350.849.425
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.353.760.706	27.889.137.551
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	15.816.642.586	7.009.057.551
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.418.662.197	2.617.757.224
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	36.978.561.771	23.122.428.624
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.892.699.829)	(4.892.699.829)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.5	32.593.981	32.593.981
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	13.639.775.787	11.898.256.759
1. Hàng tồn kho	141		13.639.775.787	11.898.256.759
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		709.125	768.716.135
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	709.125	16.362.324
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	752.353.811
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	12/03/2015
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.117.966.750	16.858.873.202
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		119.300.000	19.300.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	119.300.000	19.300.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		19.008.760.854	13.050.151.084
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	19.008.760.854	13.050.151.084
- Nguyên giá	222		36.609.653.599	29.319.959.165
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.600.892.745)	(16.269.808.081)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		40.854.381	40.854.381
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.854.381)	(40.854.381)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.243.908.000	2.435.304.696
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.243.908.000	2.435.304.696
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		745.997.896	1.354.117.422
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	745.997.896	1.354.117.422
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		85.215.562.227	60.765.833.072

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 7

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	12/03/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		32.688.501.621	27.690.316.072
I. Nợ ngắn hạn	310		32.688.501.621	27.690.316.072
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	6.458.819.367	7.999.889.371
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	8.659.267.355	1.797.855.705
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.456.815.710	5.203.629.222
4. Phải trả người lao động	314		5.452.811.880	1.945.024.084
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.305.132.557	600.035.200
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	818.808.238	6.036.401.816
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	9.236.308.761	7.806.942.921
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(3.699.462.247)	(3.699.462.247)
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	12/03/2015
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.527.060.606	33.075.517.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	52.527.060.606	33.075.517.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	41.168.696.683
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	41.168.696.683
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17	188.840.319	188.840.319
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.271.809.243)	(8.892.049.532)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(8.892.049.532)	(5.080.092.803)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		620.240.289	(3.811.956.729)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		610.029.530	610.029.530
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		85.215.562.227	60.765.833.072

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thanh Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Tạ Quang Khải

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC




Huỳnh Minh Vân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 12/03/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 11/03/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	53.326.195.158	10.112.398.259
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	53.326.195.158	10.112.398.259
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	46.516.479.437	10.485.092.623
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.809.715.721	(372.694.364)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	7.459.689	4.431.979
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	471.628.641	54.892.013
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		471.628.641	54.892.013
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.267.697.506	2.088.952.436
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		77.849.263	(2.512.106.834)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	558.417.686	811.793.586
12. Chi phí khác	32	VI.8	16.026.660	2.111.643.481
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		542.391.026	(1.299.849.895)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		620.240.289	(3.811.956.729)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		620.240.289	(3.811.956.729)

X.02
C
TRẮC
EM
TH
H
/

.0107

:ÔNG
:Ổ PH
:ÔNG 1
N PI

T.P.HỒ

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thanh Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tạ Quang Khải

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016



TỔNG GIÁM ĐỐC

Huỳnh Minh Vân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 12/03/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 11/03/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		620.240.289	(3.811.956.729)
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.331.084.664	239.938.590
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.459.689)	(4.431.979)
- Chi phí lãi vay	06		471.628.641	54.892.013
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.415.493.905	(3.521.558.105)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(20.812.269.344)	6.528.084.188
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(1.741.519.028)	543.844.397
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		4.054.705.629	(1.575.333.431)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		623.772.725	1.007.503.514
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(471.628.641)	(54.892.013)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(485.885.920)	(851.369.170)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16.417.330.674)	2.076.279.380
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(7.098.297.738)	(220.572.916)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.459.689	4.431.979
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.090.838.049)	(216.140.937)

100
SỐ
HỮU
TÀI
LỘC
ỐC
/ 7P3268-C.L
TY
AN
PHÚ
CHỈ MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	18.831.303.317	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	16.796.581.615	1.612.214.469
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.367.215.775)	(1.377.072.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.260.669.157	235.142.469
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50	(3.247.499.566)	2.095.280.912
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.350.849.425	1.255.568.513
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	103.349.859	3.350.849.425

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thanh Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Tạ Quang Khải

Tp.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Minh Vân

513
 NG
 HEM
 N VÀ
 THAI
 HÍ M
 HỒ
 M.S.D.N: 0301079268-D.T.C.68
 QUẬN 7

C.P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

04
TY
DU
DIE
TH
INH
C
301
CỘT
CỔ
ĐÓN
AN
7-T.F

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

- Dịch vụ sửa chữa, đóng tàu.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Đóng mới phương tiện vận tải thủy.
- Sửa chữa phương tiện vận tải thủy (không hoạt động tại trụ sở).
- Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đóng tàu.
- Sản xuất các sản phẩm công nghiệp khác, bao gồm: Gia công cắt, bẻ, uốn tole; gia công cơ khí thiết bị động lực; gia công sản phẩm kết cấu thép (không hoạt động tại trụ sở).
- Sửa chữa giàn khoan và công trình trên biển (không hoạt động tại trụ sở). Sửa chữa phao tiêu, biển báo đảm bảo an toàn hàng hải (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Thu gom, vận chuyển cặn dầu thô, chất thải nhiễm dầu từ vệ sinh tàu dầu và giàn khoan (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến. Bán buôn xi măng. Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. Bán buôn đồ ngũ kim. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Xây lắp công nghiệp nhà kho, nhà xưởng.
- Bán buôn vật tư, phụ tùng, phụ kiện, máy móc, thiết bị phương tiện tải thủy, thiết bị công nghiệp tàu thủy. Bán buôn phụ tùng máy công nghiệp.
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; dịch vụ vệ sinh tàu biển.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu; cho thuê máy móc, thiết bị công nghiệp.
- Dịch vụ cung ứng tàu biển.
- Sản xuất, chế tạo: sản phẩm composite, nhựa tổng hợp; vỏ tàu, dụng cụ cứu sinh, cứu hỏa, dụng cụ vệ sinh bằng composite - nhựa tổng hợp; bồn đựng nước, bồn chứa hóa chất bằng composite - nhựa tổng hợp (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất, chế tạo ca nô (không hoạt động tại trụ sở).
- Hoạt động vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; Hoạt động của tàu, salan, lash (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.
- Bán buôn sắt, thép.
- Tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán).
- Thiết kế phương tiện thủy nội địa.
- Chế tạo kết cấu thép, nhà xưởng (không hoạt động tại trụ sở)

Trụ sở chính: 18 Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, Tp.HCM

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có.

5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2015: 161 nhân viên. (Ngày 31/12/2014: 135 nhân viên)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước do ảnh hưởng của việc chuyển đổi hình thức sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Niên độ kế toán đầu tiên kể từ khi cổ phần hóa của Công ty bắt đầu từ ngày 12/03/2015 đến ngày 31/12/2015

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trong yêu cầu định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình đóng tàu.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

4.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc

10 - 25 năm

Máy móc, thiết bị

07 - 12 năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

08 - 10 năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý

04 - 10 năm



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tài sản cố định hữu hình khác

06 năm

Phần mềm máy tính

04 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoản thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sẽ phải chi liên quan đến chi phí nhân công đóng tàu thuê ngoài đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Vốn khác: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi tiền gửi của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bắt đầu sản xuất và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

KĐ
T
KIẾ
T
QUẢNU.N.030
C
C
Đ
Đ
AN
QUẢN 7-T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế TNDN năm 2015 là 22% theo quy định hiện hành.

14. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

15. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

03/03/2016

1079
NG 1
PH
NG T,
PH
PHỔ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

17. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2015		12/03/2015	
	Tiền			
Tiền	103.349.859		3.350.849.425	
Tiền mặt	69.073.598		1.232.387.528	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.276.261		2.118.461.897	
Cộng	<u>103.349.859</u>		<u>3.350.849.425</u>	
2. Phải thu của khách hàng	31/12/2015		12/03/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	15.816.642.586	(1.028.502.542)	7.009.057.551	(1.028.502.542)
Công ty CP EU Thanh Lâm	-	-	1.524.589.889	-
Công ty CP Đóng tàu & DV dầu khí Vũng Tàu	1.064.561.392	-	1.064.561.392	-
Công ty TNHH Công trình cầu phà Tp.HCM	-	-	203.901.000	-
Công ty TNHH TM DV thiết bị Hương Dương	1.411.584.898	-	295.989.346	-
Công ty TNHH TM DV Giang Nam	242.661.107	-	2.391.181.700	-
Công ty CP lai dắt và vận tải Chim Ưng Falcon T&T	1.837.523.493	-	-	-
Công ty CP Giang Nam logistic	4.223.860.000	-	-	-
Công ty TNHH SX Với TMDV Thống Nhất	4.171.263.826	-	-	-
Các khách hàng khác	2.865.187.870	(1.028.502.542)	1.528.834.224	(1.028.502.542)
Cộng	<u>15.816.642.586</u>	<u>(1.028.502.542)</u>	<u>7.009.057.551</u>	<u>(1.028.502.542)</u>

1051
Độc
Nội
Lần 1
C TH
CHÍ
P. H

268-C
Y
N
U
H
M

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Trả trước cho người bán	31/12/2015		12/03/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.418.662.197	-	2.617.757.224	-
Nhà cung cấp trong nước	1.418.662.197	-	2.617.757.224	-
Công ty CP Kết cấu thép và thiết bị nâng Việt Nam	361.076.650	-	-	-
Công ty TNHH Công trình Thủy trực vớt	315.000.000	-	500.000.000	-
Công ty TNHH MTV HQB	350.000.000	-	1.250.066.943	-
Công ty TNHH DV Kỹ thuật tàu biển Trí Tín	181.997.547	-	-	-
Trả trước cho người bán trong nước khác	210.588.000	-	867.690.281	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.418.662.197	-	2.617.757.224	-
4. Phải thu khác	31/12/2015		12/03/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	36.978.561.771	(3.832.568.374)	23.122.428.624	(3.832.568.374)
Phải thu về cổ phần hóa	826.525.342	-	771.085.342	-
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	8.214.317	-	19.594.953	-
Lãi vay vật tư phải thu	389.202.670	(389.202.670)	389.202.670	(389.202.670)
Các khoản phải thu của chi nhánh Vũng Tàu	1.533.621.119	(1.533.621.119)	1.533.621.119	(1.533.621.119)
Phải thu lâu năm các đối tượng từ 131 chuyển sang	671.611.524	(671.611.524)	671.611.524	(671.611.524)
Phải thu lâu năm các đối tượng từ 331 chuyển sang	221.917.990	(221.917.990)	221.917.990	(221.917.990)
Phải thu lâu năm các đối tượng từ 141 chuyển sang	982.515.071	(982.515.071)	982.515.071	(982.515.071)
Phải thu ông Phạm Đắc Thế(*)	627.790.527	-	644.338.027	-
Tạm ứng	1.222.831.985	-	1.474.828.635	-
Phải thu khác	236.242.362	(33.700.000)	318.242.362	(33.700.000)
Phải thu từ cổ phần hóa	14.162.617.933	-	-	-
Tiền lương chi trả vượt quỹ lương (**)	16.095.470.931	-	16.095.470.931	-
b. Dài hạn	119.300.000	-	19.300.000	-
Ký cược, ký quỹ	119.300.000	-	19.300.000	-
Cộng	37.097.861.771	(3.832.568.374)	23.141.728.624	(3.832.568.374)

(*) Phải thu ông Phạm Đắc Thế về việc đã thu tiền công nợ của khách hàng nhưng không nộp về Công ty, khoản này được trừ dần vào lương hàng tháng

(**) Đây là khoản tiền lương đã chi cho người lao động vượt quỹ lương được duyệt từ Công ty mẹ chưa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh của các năm trước và các khoản lỗ lũy kế chưa được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán.

04
T
H
A
D
I
N
H
M
I
N
H
C

M.S.D
Qu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Tài sản thiếu chờ xử lý	31/12/2015	12/03/2015
	Giá trị	Giá trị
Công nợ thiếu chờ xử lý	32.593.981	32.593.981
Cộng	32.593.981	32.593.981

6. Hàng tồn kho	31/12/2015		12/03/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.857.154.884	-	1.660.821.076	-
Công cụ, dụng cụ	45.364.668	-	37.270.771	-
Chi phí SX, KD dở dang	8.737.256.235	-	10.200.164.912	-
Cộng	13.639.775.787	-	11.898.256.759	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.

Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: Không phát sinh

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

7. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2015		12/03/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang	2.243.908.000	-	2.435.304.696	-
- Xây dựng cơ bản	2.243.908.000	-	2.415.504.696	-
Công trình xây dựng triển tàu 1000 tấn	2.066.471.818	-	740.422.714	-
Xây dựng nhà văn phòng công ty	177.436.182	-	177.436.182	-
Hệ thống tủ điện phân phối hạ ngầm	-	-	364.825.800	-
Công trình nâng nền giáp ranh Shipmarine	-	-	1.132.820.000	-
- Sửa chữa cửa Ụ	-	-	19.800.000	-
Cộng	2.243.908.000	-	2.435.304.696	-

8. Tài sản cố định hữu hình *Xem thuyết minh tại trang 29*

9. Tài sản cố định vô hình	Phần mềm máy tính	
	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	40.854.381	40.854.381
Tăng khác	-	-
Số dư cuối năm	40.854.381	40.854.381
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	40.854.381	40.854.381
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư cuối năm	40.854.381	40.854.381
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

12/03/2015
HÀNG CHỖ PHỔ
HÀNG

N:03
C
C
Đ
Đ
A
M
1/17-1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- * Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.
- * Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 40.854.381 VND
- * Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có
- * Các thay đổi khác về Tài sản cố định vô hình: không có.
- * Thuyết minh số liệu và các giải trình khác: không có.

	31/12/2015	12/03/2015
10. Chi phí trả trước	709.125	16.362.324
Chi phí trả trước ngắn hạn	709.125	16.362.324
Công cụ dụng cụ	709.125	16.362.324
Chi phí trả trước dài hạn	745.997.896	1.354.117.422
Công cụ dụng cụ	435.787.662	1.100.421.729
Chi phí sửa chữa	185.483.542	253.695.693
Chi phí khác chờ phân bổ	124.726.692	-
Cộng	746.707.021	1.370.479.746

11. Phải trả người bán	31/12/2015		12/03/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	6.458.819.367	6.458.819.367	7.999.889.371	7.999.889.371
Công ty TNHH XD TM DV Nam Kha	-	-	1.819.095.696	1.819.095.696
Công ty TNHH TM DV Tân Khánh Lộc	-	-	1.800.190.205	1.800.190.205
Công ty TNHH TM DV Bạch Long	-	-	900.000.000	900.000.000
Công ty CP phát triển Tân Nam Đô	619.492.638	619.492.638	363.072.240	363.072.240
Công ty CP Kim Khí TP.HCM	-	-	422.363.930	422.363.930
Công ty CP Công trình giao thông quận 8	106.705.000	106.705.000	310.175.000	310.175.000
Công ty CP Cơ khí Giao thông Quận 4	558.912.270	558.912.270	-	-
Công ty CP Thép Khương Mai	763.720.030	763.720.030	-	-
Các khách hàng khác	4.409.989.429	4.409.989.429	2.384.992.300	2.384.992.300
Cộng	6.458.819.367	6.458.819.367	7.999.889.371	7.999.889.371

	31/12/2015	12/03/2015
12. Người mua trả tiền trước	8.659.267.355	1.797.855.705
Ngắn hạn	-	1.299.999.950
Công ty TNHH SX với TMDV Thống Nhất	-	1.299.999.950
Công ty CP Dương Đông Sài Gòn	5.854.364.975	-
Công ty CP Cơ khí Giao thông Quận 4	1.475.302.380	-
Các khách hàng khác	1.329.600.000	497.855.755
Cộng	8.659.267.355	1.797.855.705

TÍNH S HỮU

1107
ĐNG
PH
NG T
PH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	12/03/2015	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	31/12/2015
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.657.652.168	5.519.497.164	5.370.570.975	1.508.725.979
Thuế thu nhập doanh nghiệp	585.667.488	485.885.920	-	99.781.568
Thuế thu nhập cá nhân	186.042.762	67.484.454	31.511.751	150.070.059
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	76.028.700	244.286.350	168.257.650	-
Các loại thuế khác	-	15.631.521	15.631.521	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.698.238.104	-	-	2.698.238.104
Cộng	5.203.629.222	6.332.785.409	5.585.971.897	4.456.815.710

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	12/03/2015
Ngắn hạn	1.305.132.557	600.035.200
Chi phí lương thuê ngoài	1.305.132.557	600.035.200
Cộng	1.305.132.557	600.035.200

15. Phải trả khác

	31/12/2015	12/03/2015
Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	439.913.130	243.033.582
Kinh phí công đoàn	173.254.156	109.588.316
Phải trả về cổ phần hoá	53.887.800	303.887.800
Mua vật tư của công ty Vạn Phúc	151.753.152	711.206.734
Tiền mượn của cổ đông từ tiền mua cổ phiếu	-	4.668.685.384
Cộng	818.808.238	6.036.401.816

16. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2015		12/03/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9.236.308.761	9.236.308.761	7.806.942.921	7.806.942.921
Vay ngân hàng Công thương Việt Nam (1)	5.988.315.236	5.988.315.236	2.558.949.396	2.558.949.396
Vay của Samco (2)	3.247.993.525	3.247.993.525	5.247.993.525	5.247.993.525
Cộng	9.236.308.761	9.236.308.761	7.806.942.921	7.806.942.921

(1) Vay ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Đông Sài Gòn theo hợp đồng vay số 6280-LAV-20150478, thời hạn vay từ 20/05/2015 đến 19/05/2016, lãi suất vay: 7%/năm; hạn mức vay: 6.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Hình thức đảm bảo: vay tín chấp

(2) Vay ngắn hạn Tổng công ty cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn TNHH MTV theo hợp đồng vay 01/HĐVV-SC, PL37/PLHĐVV-SC; thời hạn vay: từ ngày 07/01/2013 đến 31/12/2015; lãi suất vay: 6,2%/năm. Mục đích vay: trả nợ thuế. Hình thức đảm bảo: Vay tín chấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem trang 30

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2015	Tỷ lệ vốn góp	11/03/2015
Tổng Công ty cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn TNHH MTV- (SAMCO)	49%	29.400.000.000	100%	41.168.696.683
Công ty CP Caric	23%	14.063.500.000	-	-
Vốn góp của đối tượng khác	28%	16.536.500.000	-	-
Cộng (*)	100%	60.000.000.000	100%	41.168.696.683

Vốn điều lệ theo giấy đăng ký kinh doanh: 60.000.000.000 VND

(*) Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tổng Công ty cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn- TNHH Một thành viên (SAMCO), các cổ đông mới và các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa thống nhất các số liệu về giá trị tài sản để chuyển đổi và bàn giao cho Công ty cổ phần Đóng tàu An Phú. Do đó, khoản vốn góp của chủ sở hữu tạm thời được ghi nhận theo khoản vốn được định giá khi tiến hành bán cổ phần cho các nhà đầu tư, phần giá trị thừa thiếu đang được theo dõi ở khoản phải thu về cổ phần hóa doanh nghiệp. Các số liệu này có thể sẽ thay đổi khi có biên bản bàn giao và số liệu chính thức được các cổ đông và cơ quan có thẩm quyền thông qua.

c. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2015	12/03/2015
Quỹ đầu tư phát triển	188.840.319	188.840.319
Cộng	188.840.319	188.840.319

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Từ 12/03/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 11/03/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu dịch vụ sửa chữa	11.106.168.682	407.763.801
Doanh thu đóng mới tàu	38.370.169.958	5.735.680.186
Doanh thu khác	3.849.856.518	3.968.954.272
Cộng	53.326.195.158	10.112.398.259
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về đóng mới tàu và sửa chữa	53.326.195.158	10.112.398.259
Cộng	53.326.195.158	10.112.398.259
3. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của dịch vụ sửa chữa	8.315.934.753	309.380.796
Giá vốn đóng mới tàu	35.358.858.790	6.340.827.944
Giá vốn khác	2.841.685.894	3.834.883.883
Cộng	46.516.479.437	10.485.092.623

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Từ 12/03/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 11/03/2015
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	7.459.689	4.431.979
Cộng	7.459.689	4.431.979
5. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	471.628.641	54.892.013
Cộng	471.628.641	54.892.013
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	2.416.716.724	551.964.750
Chi phí đồ dùng văn phòng	120.006.375	26.164.697
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.733.326	6.536.268
Thuế, phí, lệ phí	191.075.353	5.348.182
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	776.692.064	1.050.196.322
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	874.618.333	81.644.148
Chi phí bằng tiền khác	1.853.855.331	367.098.069
Cộng	6.267.697.506	2.088.952.436
7. Thu nhập khác		
Xử lý vật tư thừa	-	767.495.586
Thu nhập khác	5.080.640	44.298.000
Thu tiền điện	553.337.046	-
Cộng	558.417.686	811.793.586
8. Chi phí khác		
Xử lý vật tư thiếu (*)	-	1.488.176.642
Xử lý chi phí cháy tàu MG03 (*)	-	478.497.590
Xử lý công nợ thừa	271	144.969.249
Nộp phạt vi phạm hành chính	16.026.389	-
Cộng	16.026.660	2.111.643.481
(*) Trong thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 11/03/2015, vật tư thiếu chờ xử lý và chi phí cháy tàu Mỹ Giang 03 được hạch toán vào chi phí khác trên báo cáo kết quả kinh doanh theo biên bản họp tổ xử lý công nợ ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú. Tuy nhiên, việc xử lý này chưa có sự thông qua của Công ty mẹ cũng như các cơ quan quản lý Nhà nước của Công ty.		
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.402.607.283	4.184.516.597
Chi phí nhân công	16.933.081.287	2.716.719.702
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.331.084.664	239.938.590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.419.882.820	1.436.664.212
Chi phí khác bằng tiền	3.048.411.875	1.551.589.527
Cộng	50.135.067.929	10.129.428.628

KĐ
TH
KIẾ
T
2/24.02
C
ĐC
AI
1/2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

10.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

10.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

10.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

01/01/2015
C
H
T
H
H
/15

01/01/2015

01/01/2015
01/01/2015
01/01/2015

01/01/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	6.458.819.367	-	-	6.458.819.367
Chi phí phải trả	1.305.132.557	-	-	1.305.132.557
Vay và nợ thuê tài chính	9.236.308.761	-	-	9.236.308.761
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	53.887.800	-	-	53.887.800
	17.054.148.485	-	-	17.054.148.485
Ngày 11 tháng 03 năm 2015				
Phải trả người bán	7.999.889.371	-	-	7.999.889.371
Chi phí phải trả	600.035.200	-	-	600.035.200
Vay và nợ thuê tài chính	7.806.942.921	-	-	7.806.942.921
	16.406.867.492	-	-	16.406.867.492

100
: 0
/ NH
DÁN
C T
CH
P H

11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang 31)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

3268-C
TY
ÁN
TÀU
ĐÓNG
PHÚ
CỔ PHẦN
HÀ NỘI

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: không có.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không có.
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

	Từ 12/03/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 11/03/2015
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	16.796.581.615	1.612.214.469

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

	Từ 12/03/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 11/03/2015
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(15.367.215.775)	(1.377.072.000)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Tổng Công ty cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn- TNHH Một thành viên (SAMCO)	Công ty mẹ	Phải trả nợ vay	5.247.993.525	(3.247.993.525)
		Nợ vay đã trả	2.000.000.000	
			Từ 12/03/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 11/03/2015
+ Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc				
Ban Tổng Giám đốc		Lương và thưởng	193.223.830	65.226.182
Cộng			193.223.830	65.226.182

5136
G T
M H O
V A D I
L A N H
M I N H
K O



C.P.

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh trong lĩnh vực đóng mới và sửa chữa tàu thủy, do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Thông tin so sánh

Số liệu trên báo cáo kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ kỳ này là số liệu từ 12/03/2015 đến ngày 31/12/2015. Số liệu kỳ trước là số liệu từ ngày 01/01/2015 đến ngày 11/03/2015 nên không mang tính so sánh được.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ: Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

7. Thông tin khác:

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa điều chỉnh và ghi nhận số liệu theo các quyết định và biên bản ngày 09/09/2014 về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước sang Công ty cổ phần.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thanh Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tạ Quang Khải

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Văn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	21.772.139.972	5.057.436.079	2.057.062.841	433.320.273	-	29.319.959.165
<i>Mua trong năm</i>	2.504.143.633	2.493.475.800	946.763.637	339.672.000	1.005.639.364	7.289.694.434
Số dư cuối năm	24.276.283.605	7.550.911.879	3.003.826.478	772.992.273	1.005.639.364	36.609.653.599
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	11.558.723.839	3.021.523.676	1.431.702.408	257.858.158	-	16.269.808.081
<i>Khấu hao trong năm</i>	806.135.110	277.402.004	160.146.725	45.499.186	41.901.639	1.331.084.664
Số dư cuối năm	12.364.858.949	3.298.925.680	1.591.849.133	303.357.344	41.901.639	17.600.892.745
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	10.213.416.133	2.035.912.403	625.360.433	175.462.115	-	13.050.151.084
Số dư cuối năm	11.911.424.656	4.251.986.199	1.411.977.345	469.634.929	963.737.725	19.008.760.854

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.556.912.859VND

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 VND.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17a. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2015	41.168.696.683	188.840.319	(5.080.092.803)	610.029.530	36.887.473.729
Lỗ trong kỳ	-	-	(3.811.956.729)	-	(3.811.956.729)
Số dư tại ngày 11/03/2015	41.168.696.683	188.840.319	(8.892.049.532)	610.029.530	33.075.517.000
Số dư tại ngày 12/03/2015	41.168.696.683	188.840.319	(8.892.049.532)	610.029.530	33.075.517.000
Tăng vốn	18.831.303.317	-	-	-	18.831.303.317
Lợi nhuận	-	-	620.240.289	-	620.240.289
Số dư tại ngày 31/12/2015	60.000.000.000	188.840.319	(8.271.809.243)	610.029.530	52.527.060.606



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2015		12/03/2015		31/12/2015	12/03/2015
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Tiền và tương đương tiền	103.349.859	-	3.350.849.425	-	103.349.859	3.350.849.425
- Phải thu khách hàng	15.816.642.586	(1.028.502.542)	7.009.057.551	(1.028.502.542)	14.788.140.044	5.980.555.009
- Phải thu khác	389.202.670	-	962.580.389	-	389.202.670	962.580.389
- Kỳ quỹ, ký cược	119.300.000	-	19.300.000	-	119.300.000	19.300.000
TỔNG CỘNG	16.428.495.115	(1.028.502.542)	11.341.787.365	(1.028.502.542)	15.399.992.573	10.313.284.823
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	6.458.819.367	-	7.999.889.371	-	6.458.819.367	7.999.889.371
- Chi phí phải trả	1.305.132.557	-	600.035.200	-	1.305.132.557	600.035.200
- Vay và nợ thuê tài chính	9.236.308.761	-	7.806.942.921	-	9.236.308.761	7.806.942.921
TỔNG CỘNG	17.000.260.685	-	16.406.867.492	-	17.000.260.685	16.406.867.492

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐÓNG TÀU AN PHÚ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 65 /CV-AP

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG
KHOẢN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓNG TÀU AN PHÚ

Trụ sở chính : 18 Đào Trí, Phường Phú Thuận, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại : (08) 37733072 Fax : (08) 38733038

Người thực hiện công bố thông tin : Ông Lê Quang Định

Địa chỉ : 33/25/6 Đất Thánh , P6, Q.Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại :

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán (Theo báo cáo đính kèm)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/04/2016 tại đường dẫn : <http://www.dongtauanphu.com.vn/tin-cong-ty.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

Ngày 11 tháng 5 năm 2016
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Lê Quang Định